

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – TP HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- H3 phúc**

Bản số: 42/2025/HS-ST

Ngày: 25 - 11 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – TP HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Kiều Đức Nhã – Nguyên cán bộ Đoàn thanh niên
Ông Cấn Xuân Lĩnh – Giáo viên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – TP Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – TP Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lưu Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – TP Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 51/2025/TLST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2025/QĐXXST - HS ngày 11 tháng 11 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN ĐỨC TH, sinh ngày 10/9/2007 tại xã C (sau là xã LS), huyện T, Thành phố Hà Nội (nay là xã T, TP Hà Nội); Nơi ĐKKHKT: Thôn 1 LS, xã T, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đức S1, sinh năm 1980 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

CCCD số: 001207040xxx do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 31/12/2021. Theo danh chỉ bản số 1181 lập ngày 08/9/2025.

Người bào chữa cho bị cáo Th: **Bà Bùi Thị Hải Lưu** – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hà Nội. (Có mặt).

2. NGUYỄN ĐỨC NG, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2007 tại xã C (sau là xã LS), huyện T, Thành phố Hà Nội (nay là xã T, TP Hà Nội); Nơi ĐKKHKT: Thôn 4 LS, xã T, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đức C, sinh năm 1981 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1984; Vợ, con: Chưa

có; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

CCCD số: 001207036xxx do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 10/7/2021. Theo danh chỉ bản số 1182 lập ngày 08/9/2025.

3. NGUYỄN KHẮC TRƯỜNG S, sinh ngày 25 tháng 6 năm 2007 tại xã C (sau là xã LS), huyện T, Thành phố Hà Nội (nay là xã T, TP Hà Nội); Nơi ĐKKHKT: Thôn 4 LS, xã T, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Khắc Th1, sinh năm 1981 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1979; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

CCCD số: 001207016xxx do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 16/12/2021. Theo danh chỉ bản số 1183 lập ngày 08/9/2025.

Người bào chữa cho bị cáo S: **Bà Bùi Thị Hải Lưu** – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hà Nội. (Có mặt).

Bị hại: **Anh Trần V**, sinh ngày 30 tháng 7 năm 2007 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 2B, xã C (sau là xã LS), huyện T, TP Hà Nội (cũ) nay là xã T, TP Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- **Anh Cấn Minh H2**, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2001

TQ: Thôn C, xã B, huyện T, Thành phố Hà Nội (cũ) nay là xã T, TP Hà Nội. (Vắng mặt)

- **Anh Phùng Gia B**, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2008 (Vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phùng Văn Đ, sinh năm 1984, bà Vương Thị L, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

TQ: Thôn Ng, xã Ph, huyện T, Thành phố Hà Nội (cũ) nay là xã Th, TP Hà Nội.

- **Bà Nguyễn Thị H3**, sinh ngày 01 tháng 6 năm 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 2B, xã C (sau là xã LS), huyện T, TP Hà Nội (cũ) nay là xã T, TP Hà Nội.

Người làm chứng:

- **Anh Nguyễn Đức Ch**, sinh ngày 03 tháng 6 năm 2007 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 4, xã C (sau là xã LS), huyện T, TP Hà Nội (cũ) nay là xã T, TP Hà Nội.

- **Anh Cao Trần Đức Tr**, sinh ngày 08 tháng 02 năm 2007 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện T, TP Hà Nội (cũ) nay là xã H, TP Hà Nội.

- **Anh Vương Vững M1**, sinh ngày 16 tháng 6 năm 2007 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Ng, xã L, huyện Tt, TP Hà Nội (cũ) nay là xã Th, TP Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu sai nên ngày 09/11/2024, tại quán Game ở xã T (xã LS cũ), TP Hà Nội, Nguyễn Đức Th đã bàn với Nguyễn Đức Ng và Nguyễn Khắc Trường S về việc đi lừa mượn xe của người khác mang đi cầm cố lấy tiền tiêu sai thì Ng và S đã đồng ý. Trong các ngày 09 và 10/11/2024, cả 3 không mượn được xe máy của ai. Khoảng 19 giờ 30 ngày 11/11/2024, Nguyễn Đức Th gọi điện thoại cho Trần V, sinh ngày 30/7/2007, HKTT: thôn 2B, xã T, TP. Hà Nội (là bạn của Th) đến quán game tại xã T, TP. Hà Nội đón Th về thì V đồng ý. Lúc này, bà Nguyễn Thị H3 (là mẹ đẻ của V) bảo V đi Ship bánh cho khách. Do lúc đó bà H3 đang bận nên V tự lấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu SH màu xám, BKS 21B2 - 325.58 (xe của bà H3) đến đón Th. V đón Th rồi cả 2 cùng đi giao bánh cho khách. Sau khi giao xong, trên đường về đến trước quán game thuộc xã T, Hà Nội thì Th giả vờ hỏi V “cho mượn xe đi mấy phút”, V đồng ý cho Th mượn xe và dặn lát về thì đón V. Sau khi lấy được xe, Th nhìn thấy Nguyễn Khắc Trường S và Nguyễn Đức Ch, sinh ngày 03/6/2007, HKTT: Thôn 4, xã T, TP. Hà Nội đang từ trong quán game đi ra thì Th nói với S đi vào nhà Ng. Sau đó, Th điều khiển xe đi trước đến nhà đón Ng. Tại đây, Th giao xe cho Ng điều khiển chở Th ngồi phía sau đi lên khu vực Chùa T. Trên đường đi, thì S gọi điện cho Ng hỏi đang ở đâu thì Ng bảo S lên chùa T.

Khoảng 20 giờ 15 phút cùng ngày, Th, Ng gặp S và Ch đi xe Wave đến. Lúc này, Th bảo Ng tìm chỗ để cầm cố chiếc xe SH mà Th lừa mượn được của V thì Ng gọi cho Phùng Gia B, sinh ngày 25/3/2008, HKTT: Thôn Ng, xã Th, Hà Nội đề hỏi chỗ cầm xe thì B nói đang ở quán game "NT gaming" tại xã Th, TP. Hà Nội. Sau đó, Th, Ng, S và Ch đến gặp B. Khi gặp B thì có cả Vương Vững M1, sinh ngày 16/6/2007, HKTT: thôn Ng, xã Th, Hà Nội, Cao Trần Đức Tr, sinh ngày 08/02/2007, HKTT: thôn Ph, xã H, Hà Nội. Ng nói với B “bạn hỏi hộ tôi chỗ cầm xe”, B hỏi lại Ng “xe của ai đây” thì Ng nói “xe của thằng này” đồng thời chỉ vào S. B quay vào hỏi chủ quán game cầm cố xe SH với số tiền là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) thì chủ quán đồng ý nhưng sau đó nhóm của Ng lại không đồng ý vì muốn cầm cố với số tiền cao hơn nên Ng nhờ B hỏi hộ chỗ khác. Sau đó B gọi điện cho Cấn Minh H2, SN 2001, HKTT: thôn C, xã T, Hà Nội trao đổi về việc cầm cố chiếc xe SH và thỏa thuận cầm cố với số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), H2 đồng ý và thỏa thuận với B cắt 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền lãi.

Sau đó cả nhóm đi xuống khu vực cổng làng Ph xã T, Hà Nội đứng đợi ở đầu làng. B, S, Tr mang xe đi cầm cố. B điều khiển xe SH chở S ngồi phía sau, Tr một mình điều khiển xe Wave đi vào nhà H2 và để chiếc xe SH lại nhà H2 và cả ba quay lại quán NT game. Đợi đến khoảng 21 giờ 30 cùng ngày, Ch điều khiển xe Wave của Ch về trước. Sau đó Ng gọi điện cho S biết đã cầm cố được chiếc xe máy trên nên Th, Ng, M1 đi taxi về quán game "NT gaming" tại xã Th, Hà Nội.

Sau đó, Th cùng S và Ng thuê xe taxi từ quán game "NT gaming" đi ra nội thành Hà Nội chơi. Trên đường đi thì B chuyển tiền vào tài khoản của Ng qua ứng dụng internet Banking trên điện thoại di động số tiền là 9.999.000 đồng (Chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn đồng), số tiền còn lại B sẽ chuyển sau. Sau đó Th, Ng, S cùng nhau tiêu sài hết số tiền từ việc cầm cố xe của V.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 110/KLĐG ngày 02/12/2024, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda SH125i, BKS 21B2-325.58 số máy JF95E1101449; số khung: RLHJF9510PY250715 đã qua sử dụng giá trị còn lại tại thời điểm ngày 11/11/2024 là 61.120.000đ (Sáu mươi một triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda SH125i, BKS: 21B2-325.58 số máy JF95E1101449; số khung: RLHJF9510PY250715 đã qua sử dụng.

. Việc xử lý đồ vật tài liệu:

Ngày 07/02/2025, cơ quan công an đã tiến hành trao trả 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda SH125i, BKS: 21B2-325.58 số máy JF95E1101449; số khung: RLHJF9510PY250715 đã qua sử dụng cho bà Nguyễn Thị H3 là chủ sở hữu hợp pháp; sau khi nhận lại tài sản, bà H3 không có yêu cầu gì về dân sự.

Ngày 20/11/2024, sau khi làm việc với cơ quan CSĐT, Cán Minh H2 mới biết chiếc xe máy SH BKS: 21B2 -325.58 nhận cầm cố ngày 11/11/2024 không phải là xe của S như lời B đã nói nên H2 đã tự nguyện giao nộp chiếc xe cho cơ quan điều tra. Đối với Cán Minh H2, người có hành vi nhận cầm cố chiếc xe SH BKS: 21B2 -325.58 với số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) cắt lãi 3.000.000đ nhưng không biết tài sản cầm cố là tài sản phạm tội mà có nên không truy cứu H2 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tuy nhiên việc nhận cầm cố tài sản nhưng không có giấy phép kinh doanh đã vi phạm khoản 3, Điều 6 Nghị định 98/2020/NĐ-CP về hoạt động kinh doanh theo giấy phép kinh doanh. Cán Minh H2 không yêu cầu Phùng Gia B bồi thường số tiền 17.000.000đ đã cầm cố xe máy.

Quá trình xác minh nguồn gốc, chủ sở hữu chiếc xe máy SH BKS: 21B2 -325.58 đã xác định được chiếc xe đăng ký mang tên Hà Thế D, sinh năm: 1993, trú tại: Qu, Ch, Yên Bái và anh D đã bán cho bà Nguyễn Thị H3, sinh năm: 1982, trú tại: Thôn 2B, LS (nay là xã T), Hà Nội ngày 15/10/2024.

Tại bản cáo trạng số 14/CT-VKSKV10 ngày 30/10/2025, Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 – TP Hà Nội truy tố các bị cáo Nguyễn Đức Th, Nguyễn Đức Ng và Nguyễn Khắc Trường S về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Diễn biến tại phiên tòa:

- Các bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội như Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – TP Hà Nội đã truy tố và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi của mình.

- Bị hại – anh Trần V và bà Nguyễn Thị H3 vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai xác nhận đã được nhận lại tài sản, không có yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm và có đơn xin HĐXX xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Cán Minh H2 tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai xác nhận anh đã được các bị cáo và gia đình hoàn trả số tiền 15.000.000đ, số tiền còn thiếu là 2.000.000đ anh không có yêu cầu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 – TP Hà Nội thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo Nguyễn Đức Th, Nguyễn Đức Ng và Nguyễn Khắc Trường S về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, 91, 98 của Bộ luật hình sự, Điều 119 của Luật tư pháp người chưa thành niên xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Th từ 15-18 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Căn cứ c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, 54, Điều 58, 91, 98 của Bộ luật hình sự, Điều 119 của Luật tư pháp người chưa thành niên xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Ng và Nguyễn Khắc Trường S từ 12-15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24– 30 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo Ng, S cho UBND xã T giám sát, giáo dục.

Do khi phạm tội, các bị cáo đều chưa thành niên nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Chiếc xe mô tô SH BKS 21B2-325.58 đã được trao trả gia đình anh V, bà H3. Bà H3 không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập.

Các bị cáo và gia đình đã trả anh Cán Minh H2 số tiền 15.000.000đ, số tiền còn lại 2.000.000đ anh H2 không yêu cầu bồi thường. Các bị cáo không yêu cầu Phùng Gia B phải trả số tiền 7.001.000đ nên không phải xem xét.

Các bị cáo phải chịu án phí và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Th và S trình bày: Người bào chữa đồng tình với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – TP Hà Nội đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Đức Th và Nguyễn Khắc Trường S. Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đều là người chưa thành niên nên nhận thức pháp luật hạn chế, kinh nghiệm sống ít, do hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, gia đình chưa có sự quan tâm, giáo dục và uốn nắn kịp thời nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, các bị cáo và gia đình đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho gia đình anh V, bà H3, anh H2. Hiện nay, hoàn cảnh gia đình các bị cáo rất khó khăn. Riêng bị cáo S có ông ngoại là người có công với Cách mạng, được tặng thưởng Huân, Huy chương, là thương binh nên đề nghị

HĐXX áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, 90, 91, 101, Điều 65 Bộ luật hình sự, Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên để xét xử quyết định cho các bị cáo mức án thấp nhất, cho các bị cáo được hưởng án treo và không phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo để đảm bảo tính nhân đạo của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 – TP Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, các bị cáo không có ý kiến, không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2]. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ. Như vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận:

Do không có tiền tiêu sai nên ngày 09/11/2024, tại quán Game ở xã T, TP. Hà Nội, Nguyễn Đức Th đã bàn với Nguyễn Đức Ng và Nguyễn Khắc Trường S đi lừa mượn xe của người khác mang đi cầm cố lấy tiền tiêu sai thì Ng và S đã đồng ý. Trong các ngày 09 và 10/11/2024, cả 3 không mượn được xe máy của ai. Khoảng 19 giờ 30 ngày 11/11/2024, Nguyễn Đức Th đã bằng thủ đoạn gian dối hỏi mượn Trần V 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SH màu xám, BKS 21B2 - 325.58 có trị giá là 61.120.000 đồng. Sau khi mượn được xe thì Th, Ng và S nhờ Phùng Gia B tìm chỗ để cầm xe. Sau đó B gọi điện cho Cán Minh H2 trao đổi về việc cầm cố chiếc xe SH và thỏa thuận cầm cố với số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), H2 đồng ý và thỏa thuận với B cắt 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền lãi.

Sau đó H2 đã chuyển khoản cho B số tiền là 17.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, B chuyển tiền vào tài khoản của Ng qua ứng dụng internet Banking trên điện thoại di động số tiền là 9.999.000 đồng (Chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn đồng), số tiền còn lại B sẽ chuyển sau. Sau đó Th, Ng, S cùng nhau tiêu sai hết số tiền từ việc cầm cố xe của V.

Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – TP Hà Nội truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất mức độ của vụ án:

Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác là quan hệ được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, đã tự nguyện nộp số tiền 15.000.000 đồng bồi thường cho anh Cán Minh H2.

Trong vụ án này, tuy các bị cáo có bàn nhau trước đó về việc mượn xe đi cầm nhưng không phân công rõ ràng, không cấu kết chặt chẽ nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, bị cáo Th là người có vai trò đứng đầu vì là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi lừa mượn xe, còn các bị cáo Ng và S chỉ đi cùng, cùng sử dụng số tiền cầm xe có được nên là đồng phạm với vai trò thứ yếu.

Đối với Phùng Gia B là người trực tiếp liên hệ cầm cố xe, tuy nhiên B không biết về nguồn gốc chiếc xe là do Th lừa của V, hành vi của Phùng Gia B không phải là đồng phạm về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đối với số tiền cầm cố xe được 17.000.000đ nhưng B chỉ chuyển cho nhóm của Ng số tiền 9.999.000đ xong B có nói với nhóm Ng là “Số tiền còn lại sẽ chuyển sau”, cả 3 bị cáo Th, Ng, S đều nghĩ là số tiền đó B vay để sử dụng khi nào có sẽ trả lại sau nên cả ba đồng ý, không thắc mắc gì. Việc B sử dụng số tiền từ việc cầm cố xe được là việc dân sự với nhóm của Ng, không cấu thành tội phạm.

Đối với Nguyễn Đức Ch đi cùng với nhóm các bị cáo Th, Ng, S tuy nhiên khi tại quán game gặp B xong Ch mới biết các bị cáo đang mang chiếc xe máy BKS: 21B2 -325.58 đi cầm cố. Sau khi chờ Nguyễn Đức Th đi đến chỗ cầm cố xe thì Ch đi về nhà luôn nên hành vi của Nguyễn Đức Ch không được đánh giá là đồng phạm.

Đối với Vương Vững M1, Cao Trần Đức Tr được Phùng Gia B rủ đi cùng đến nơi cầm cố tài sản nhưng M1 và Tr không biết về nguồn gốc tài sản mang đi cầm cố nên không đủ căn cứ truy cứu với vai trò đồng phạm phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, thể hiện sự ăn năn hối cải, đã tự nguyện nộp số tiền 15.000.000 đồng hoàn trả cho anh H2 nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Mặt khác, các bị cáo phạm tội lần đầu, người đại diện của bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Riêng bị cáo S có ông ngoại là ông Nguyễn Danh N là thương binh hạng 4/4, được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì, Huân chương chiến sỹ giải

phóng hạng Ba nên bị cáo S được áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, khi phạm tội, bị cáo Th mới 17 tuổi 02 tháng 01 ngày, bị cáo Ng mới 17 tuổi 06 tháng 07 ngày, bị cáo S mới 17 tuổi 05 tháng 15 ngày nên HĐXX xem xét áp dụng các quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội tại Chương XII của Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt. Bên cạnh đó, tuy Luật tư pháp người chưa thành niên công bố ngày 02/12/2024 chưa có có hiệu lực (có hiệu lực ngày 01/01/2026) nhưng một số quy định có lợi cho bị cáo được thực hiện ngay theo quy định tại khoản 2 Điều 179. Do vậy, HĐXX áp dụng quy định tại Điều 179, 119 của Luật này cho các bị cáo.

Xét các bị cáo Ng, S có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội với vai trò đồng phạm thứ yếu, không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù nên HĐXX cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ để răn đe, giáo dục và đủ điều kiện để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, khi phạm tội đều chưa thành niên nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị H3 đã nhận lại chiếc xe máy, không có yêu cầu gì thêm. Anh Cán Minh H2 đã nhận số tiền 15.000.000đ, còn 2.000.000đ anh H2 không yêu cầu nên HĐXX không phải xem xét.

[7]. Về xử lý vật chứng: Không.

[8]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bào chữa, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. - Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, 91, 98 của Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 179, 119 của Luật Tư pháp người chưa thành niên, xử phạt bị cáo:

Nguyễn Đức Th 15 (Mười lăm) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; 54, Điều 58, 91, 98, Điều 65 của Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 179, 119, 124 của Luật Tư pháp người chưa thành niên, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Ng 13 (Mười ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời gian thử thách 26 (Hai mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Xử phạt bị cáo Nguyễn Khắc Trường S 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Lừa đảo chiếm

đoạt tài sản”, thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Đức Ng, Nguyễn Khắc Trường S cho Ủy ban nhân dân xã T, Thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 và Điều 68 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Nguyễn Đức Th, Nguyễn Đức Ng, Nguyễn Khắc Trường S mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo, Người bào chữa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND KV10 – TP Hà Nội ;
- Phòng THADS KV10 – TP Hà Nội ;
- CQĐT Công an TP Hà Nội;
- Bị cáo; người bào chữa, NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Minh Loan

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

